

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2022
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Bích Liễu;
2. Bà Nguyễn Thị Út.

Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Tân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1977.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969.

Cùng địa chỉ: Xóm 7 BT, thị trấn NH, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ cuối năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn do không nắm rõ quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau khi có con chung thì cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do hai vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được. Đến cuối năm 2018 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, từ ngày 31/12/2021 hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay

bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Đức T1, sinh ngày 30/12/1996, hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng có tài sản chung nhưng hai vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết để lại cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có vay nợ chung.

Theo bản tự khai và phiên hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T thừa nhận sống chung với bà Nguyễn Thị N từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện nay giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Hiện nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì ông nhất trí với yêu cầu của bà N.

Về con chung: Ông T xác định con chung hiện nay đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: Ông T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu giữ nguyên ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình; tại phiên tòa các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn mặc dù đã đáp ứng đủ các điều kiện kết hôn là trái với Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T; nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N có quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Xóm 7 BT, thị trấn NH, Hòa An, Cao Bằng. Nay bà N khởi kiện xin ly hôn với ông T, nên quan hệ pháp luật

được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng Tếu sự chia sẻ và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên đã cùng nhau tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, bà N và ông T đã sống ly thân từ ngày 31/12/2021 đến nay. Hiện bà N cùng ông T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà N và ông T không đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, xét cần phải tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T.

[3] Về con chung: Hiện nay con chung giữa bà N và ông T đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà N và ông T xác định vợ chồng có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có vay nợ chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, để sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000

đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003545 ngày 04/01/2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn NH, Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải